



Tạp chí

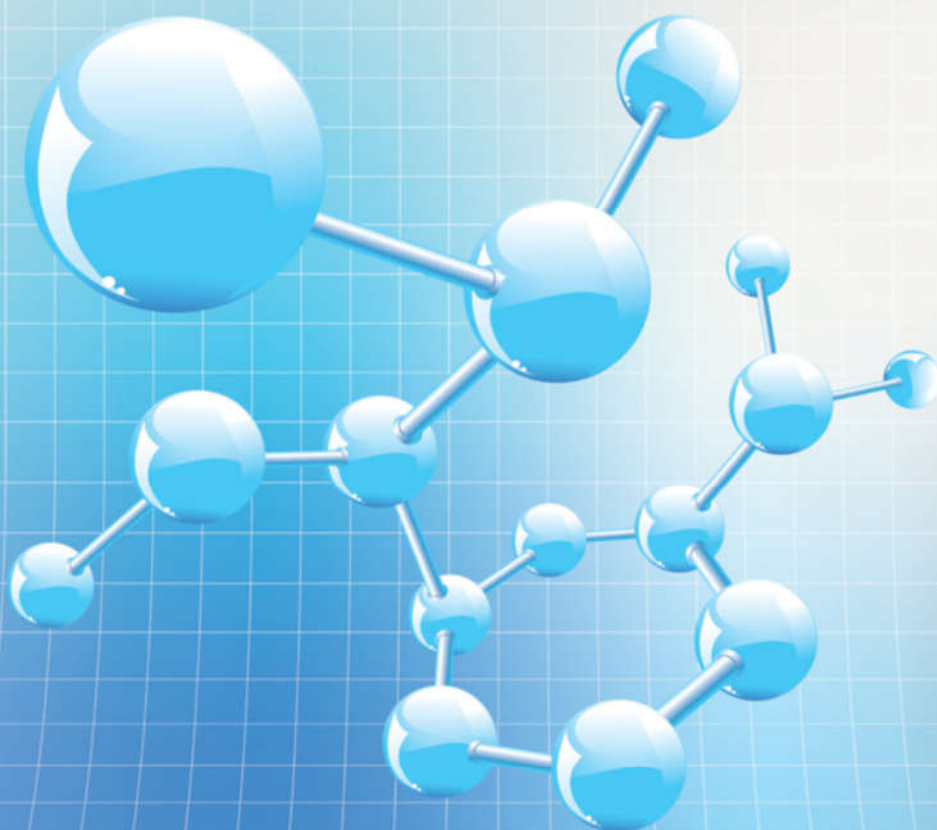
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



Số 3 (82)

2023

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đình

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

■ **Thư ký Tòa soạn**

TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

NGND.TS. Đình Văn Nhung - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Quốc Cường

PGS.TS. Nguyễn Văn Liên

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Trần Văn Địch

GS.TS. Phạm Minh Tuấn

PGS.TS. Nguyễn Doãn Ý

GS.TS. Đình Văn Sơn

PGS.TS. Trần Thị Hà

PGS.TS. Trương Thị Thủy

TS. Vũ Quang Thập

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Kháng

TS. Bùi Văn Ngọc

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

GS.TS. Yu Ming Zhang

TS. Nguyễn Văn Anh

■ **Ban Biên tập**

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Trưởng ban

ThS. Đào Thị Vân

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

People's Teacher, Dr. Dinh Van Nhung - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Quoc Cuong

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Bành Tiến Long

Prof.Dr. Tran Van Dich

Prof.Dr. Pham Minh Tuan

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Doan Y

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Tran Thi Ha

Assoc.Prof.Dr. Trương Thị Thủy

Dr. Vu Quang Thap

Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Thị Bất

Prof.Dr. Do Quang Khang

Dr. Bui Van Ngoc

Assoc.Prof.Dr. Ngô Sỹ Lương

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Phạm Hoàng Hải

Assoc.Prof.Dr. Đoàn Ngọc Hải

Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Ngọc Hà

Prof.Dr. Yu Ming Zhang

Dr. Nguyễn Văn Anh

■ **Editorial**

MSc. Doan Thi Thu Hang - Head

MSc. Dao Thi Van

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/> Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

TẠP CHÍ

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TRONG SỐ NÀY

SỐ 3(82) 2023

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

Thiết kế bộ điều khiển bền vững thích nghi trên cơ sở mạng neuron hướng tâm cho robot tìm và làm sạch bản	5	Vũ Thị Yến Nguyễn Thị Sim Dương Thị Hoa
Ăng-ten phân cực kép cho các điểm truy cập vô tuyến 5G trong nhà	12	Lê Thị Cẩm Hà Lương Quang Năng Phạm Hồng Thịnh Nguyễn Trọng Các
Ứng dụng mạng tích chập cho nhận diện biển báo giao thông	17	Nguyễn Thế Trung Đặng Thành Trung Phạm Thị Hường Phạm Văn Kiên

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ nước, thời gian giặt và tốc độ vắt đến độ co của vải kaki thun vân chéo 2/1	23	Đỗ Thị Tần Nguyễn Quang Thoại
Phân tích sức bền giới hạn kết cấu tàu dưới tác dụng của tải trọng tổng thể và tải trọng cục bộ	29	Vũ Văn Tân Nguyễn Thị Hồng Nhung Nguyễn Hữu Chấn Phạm Ngọc Linh
Nghiên cứu, thiết kế và tối ưu hóa cấu trúc kết cấu cơ khí trên thiết bị sấy lồng quay của dây chuyền xử lý rác thải	34	Mạc Văn Giang
Nghiên cứu sự ảnh hưởng của mặt đường đến quỹ đạo quay vòng của xe ô tô tải	42	Đào Đức Thụ Nguyễn Đình Cường Phạm Văn Trọng Vũ Văn Chương Liu Qi-yue

NGÀNH TOÁN HỌC

Bất đẳng thức tích chập của phép biến đổi Fourier cosine và Laplace với hàm trọng	46	Nguyễn Kiều Hiền
---	----	------------------

NGÀNH KINH TẾ

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ chuỗi khối (Blockchain) trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán tại Việt Nam	51	Nguyễn Thị Quỳnh
Xu hướng chuyển dịch nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở Hải Dương hiện nay - những vấn đề đặt ra	57	Vũ Văn Đông

NGÀNH KINH TẾ

Chuyển đổi số - những thách thức và cơ hội cho sự phát triển du lịch Việt Nam 63 Nguyễn Thị Thảo
Trần Thị Mai Hương

LIÊN NGÀNH HÓA HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

Nghiên cứu khả năng hấp phụ xanh methylen trong nước của vật liệu chế tạo từ đất sét Trúc Thôn và tro trấu 68 Vũ Hoàng Phương

LIÊN NGÀNH KHOA HỌC TRÁI ĐẤT - MỎ

Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái nhằm hạn chế và ứng phó với biến đổi khí hậu 73 Nguyễn Thị Thảo
Trần Thị Mai Hương
Tăng Thị Hồng Minh

Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh Hải Dương hiện nay 80 Nguyễn Đăng Tiến

LIÊN NGÀNH VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT - THỂ DỤC THỂ THAO

Phát triển hoạt động tổ chức Teambuilding cho sinh viên du lịch Trường Đại học Sao Đỏ 87 Nguyễn Thị Sao
Nguyễn Thị Hương Huyền
Nguyễn Thị Xuyên

Xây dựng môi trường văn hóa ở tỉnh Hải Dương hiện nay 93 Trần Hoàng Yến
Đặng Thị Thanh

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

Đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng của đạo đức đó với xã hội Việt Nam hiện nay 100 Vũ Văn Đông
Vũ Văn Chương
Hà Đình Soát

Phát huy năng lực tự học của sinh viên trong dạy học Triết học Mác - Lênin 108 Nguyễn Thị Nhan
Vũ Văn Chương

Đổi mới phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gắn với giá trị cốt lõi của Trường Đại học Sao Đỏ 113 Đặng Thị Dung

Phát huy giá trị đạo đức truyền thống trong việc xây dựng đạo đức mới cho phụ nữ hiện nay 120 Trần Thị Hồng Nhung

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- Design of the robust adaptive controller based RBF neural network for cleaning and detecting robot manipulators 5 Vu Thi Yen
Nguyen Thi Sim
Duong Thi Hoa
- Dual polarized antenna for 5G indoor access points 12 Le Thi Cam Ha
Luong Quang Nang
Pham Hong Thinh
Nguyen Trong Cac
- Traffic sign recognition using convolutional network 17 Nguyen The Trung
Dang Thanh Trung
Pham Thi Huong
Pham Van Kien

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- Study on the effect of water temperature, washing time and spin speed on shrinkage of 2/1 twill weave khaki fabric 23 Do Thi Tan
Nguyen Quang Thoai
- Ultimate strength analysis of ship structures under combined global and local load 29 Vu Van Tan
Nguyen Thi Hong Nhung
Nguyen Huu Chan
Pham Ngoc Linh
- Study, design and optimize the mechanical structure on the rotary drum dryer of the waste treatment line 34 Mac Van Giang
- Studying the influence of road surface on the turning trajectory of trucks 42 Dao Duc Thu
Nguyen Dinh Cuong
Pham Van Trong
Vu Van Chuong
Liu Qi-yue

TITLE FOR MATHEMATICS

- Convolution inequalities of the Fourier cosine transform and the Laplace with a weight function 46 Nguyen Kieu Hien

NGÀNH KINH TẾ

- Promoting the application of Blockchain technology (Blockchain) in the field of accounting and auditing in Viet Nam 51 Nguyen Thi Quynh
- The current trend of shifting human resources to serve sustainable agricultural development in Hai Duong - issues raised 57 Vu Van Dong
- Digital transformation - challenges and opportunities for Vietnam's tourism development 63 Nguyen Thi Thao
Tran Thi Mai Huong

TITLE FOR CHEMISTRY AND FOOD TECHNOLOGY

Study on capacity adsorption of methylene blue ion in water of materials prepared from Truc Thon clay and rice husk ash 68 Vu Hoang Phuong

TITLE FOR EARTH SCIENCE - MINING

Promote development of ecotourism to reduce and cope with climate change 73 Nguyen Thi Thao
Tran Thi Mai Huong
Tang Thi Hong Minh

Build up the specific tourism products of Hai Duong province 80 Nguyen Dang Tien

TITLE FOR CULTURE - ART - SPORTS

Developing teambuilding activities for tourism students at Sao Do University 87 Nguyen Thi Sao
Nguyen Thi Huong Huyen
Nguyen Thi Xuyen

Building a cultural environment in Hai Duong province today 93 Tran Hoang Yen
Dang Thi Thanh

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

Buddhist ethics and its influence on Vietnamese society today 100 Vu Van Dong
Vu Van Chuong
Ha Dinh Soat

Promoting students' self-study capacity in teaching Marxist-Leninist philosophy 108 Nguyen Thi Nhan
Vu Van Chuong

Innovating teaching methods for the History of the Communist Party of Vietnam course in association with the core values of Sao Do University 113 Dang Thi Dung

Promoting traditional moral values in building a new morality for today's women 120 Tran Thi Hong Nhung

Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái nhằm hạn chế và ứng phó với biến đổi khí hậu

Promote development of ecotourism to reduce and cope with climate change

Nguyễn Thị Thảo*, Trần Thị Mai Hương, Tăng Thị Hồng Minh

*Tác giả liên hệ: nguyenthaosd@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 06/10/2022

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 03/8/2023

Ngày chấp nhận đăng: 02/10/2023

Tóm tắt

Có thể thấy, biến đổi khí hậu (BĐKH) tác động trực tiếp đến du lịch sinh thái (DLST), cụ thể là tài nguyên du lịch; hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và hoạt động lữ hành. Tuy nhiên, biến đổi khí hậu tác động tiêu cực đến môi trường cảnh quan du lịch, thay đổi hệ sinh thái cũng như gây hư hại cho các di tích lịch sử văn hoá, gây ra mưa bão, giông lốc ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động du lịch. Chính vì thế, để giảm thiểu tối đa tác động của biến đổi khí hậu, ngành du lịch cần chú trọng đến công tác duy tu, bảo tồn tài nguyên du lịch, chủ động tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, doanh nghiệp và du khách. Theo đó, hiện nay du lịch sinh thái là loại hình du lịch được nhiều địa phương hướng tới. Du lịch sinh thái chú trọng phát huy những giá trị tự nhiên và văn hoá địa phương, đồng thời hạn chế được mức thấp nhất sự khánh kiệt của tài nguyên thiên nhiên, cháy rừng, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu; du lịch sinh thái; tài nguyên du lịch.

Abstract

It can be seen that climate change has a direct impact on ecotourism, specifically tourism resources, infrastructure, technical facilities for tourism and travel activities. However, climate change negatively affects the tourism landscape environment, changes the ecosystem as well as damages to historical and cultural relics, causing rainstorms, thunderstorms that significantly affect tourism activities. Therefore, in order to minimize the impact of climate change, the tourism industry needs to focus on maintaining and conserving tourism resources, actively propagating to raise the awareness of residents, businesses and tourists in environmental protection. Moreover, at present, ecotourism is a type of tourism that many localities are aiming for. Ecotourism focuses on promoting local natural and cultural values, while minimizing the depletion of natural resources, forest fires, environmental pollution and climate change.

Key words: Climate change; ecotourism; tourism resources.

1. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI CỦA VIỆT NAM

"Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương" (Định nghĩa về DLST ở Việt Nam).

Du lịch sinh thái được xem như một giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường sinh thái hướng tới sự phát triển bền vững thông qua quá trình làm giảm sức ép khai thác nguồn lợi tự nhiên, phục vụ nhu cầu của du khách, của người dân địa phương khi tham gia vào các hoạt động du lịch sinh thái.

Tài nguyên du lịch sinh thái chính là các giá trị tự nhiên thể hiện trong một hệ sinh thái cụ thể và các giá trị văn

hóa bản địa tồn tại và phát triển không tách rời hệ sinh thái tự nhiên đó.

Việt Nam có nguồn tài nguyên du lịch sinh thái đặc sắc và đa dạng.

- Hệ thực vật Việt Nam có mức độ đặc hữu cao, số loài đặc hữu như: Gỗ đỏ, gụ mật, ba kích, hoàng đàn, cẩm lai, pơ mu... chiếm khoảng 40% số loài thực vật của toàn quốc. Phần lớn số loài đặc hữu này tập trung ở bốn khu vực chính: khu vực núi cao Hoàng Liên Sơn ở phía Bắc, khu vực rừng nhiệt đới ẩm ở Bắc Trung Bộ, khu vực núi cao Ngọc Linh ở miền Trung và khu vực cao nguyên Lang Biang ở Nam Bộ.

- Hệ động vật cũng có nhiều loài đặc hữu bao gồm hơn 100 loài và phân loài chim, khoảng 80 loài và phân loài thú, trong đó có rất nhiều loài đặc trưng nhiệt đới có giá trị bảo tồn như: Cheo, đồi, chồn bay, cây mực, culi, vượn, tê tê, voi, bò xám...

Ngoài ra, Việt Nam còn là một trung tâm của cây trồng nhân tạo với hơn 200 loài cây trồng. Đây là tiền đề cho tổ chức du lịch sinh thái canh nông.

Người phản biện: 1. GS.TSKH. Nguyễn Hoàng Hải
2. TS. Nguyễn Đăng Tiến

Việt Nam có các hệ sinh thái đặc trưng như hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái đất ngập nước; hệ sinh thái vùng cát ven biển và hệ sinh thái rừng nhiệt đới

Việt Nam còn có nhiều tiềm năng nhân văn đa dạng và phong phú cho phát triển du lịch sinh thái.

Trong số khoảng 40.000 di tích hiện có thì hơn 2.500 di tích được Nhà nước chính thức xếp hạng.

Ngoài ra còn có nhiều nghề thủ công truyền thống và nhiều lễ hội gắn liền với các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian đặc sắc của 54 dân tộc cùng với những nét riêng, tinh tế của nghệ thuật ẩm thực đã tạo cho Việt Nam sức hấp dẫn về du lịch.

Mặc dù, Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái nhưng sự phát triển du lịch sinh thái ở nước ta mới ở giai đoạn khởi đầu, còn nhiều vấn đề cần quan tâm giải quyết.

Tuy nhiên, để khai thác những tiềm năng trên phục vụ cho phát triển du lịch sinh thái một cách hiệu quả mà vẫn bảo vệ được môi trường sinh thái đòi hỏi rất nhiều yếu tố khi mà phát triển du lịch có tác động lớn đến môi trường tự nhiên.

2. PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

2.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến du lịch sinh thái

2.1.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên du lịch tự nhiên

Việt Nam là nước dễ bị tổn thương trước tác động của BĐKH. Theo đánh giá hằng năm về những nước chịu ảnh hưởng nặng nhất bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan giai đoạn 1997-2016, Việt Nam đứng thứ 5 về Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu năm 2018 và thứ 8 về Chỉ số rủi ro khí hậu dài hạn (CRI).

Thời tiết, khí hậu ở Việt Nam những năm gần đây ngày càng bất thường thể hiện qua các biểu hiện dị thường của các yếu tố nhiệt độ, lượng mưa, mực nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Việt Nam cũng đang chịu tác động nặng nề từ biến đổi khí hậu, nhiều điểm du lịch có nguy cơ biến mất do mưa lũ và thời tiết cực đoan. Trong diễn đàn Nghị viện châu Á - Thái Bình Dương (APPF-26) đầu năm 2018, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam khẳng định: Biến đổi khí hậu, nước biển dâng không còn là nguy cơ tiềm ẩn mà thực sự đã hiện hữu. Du lịch là một trong những ngành dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu bởi hầu hết hoạt động khai thác du lịch của Việt Nam phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên sẵn có.

Theo viện nghiên cứu phát triển du lịch, biến đổi khí hậu tác động trực tiếp đến cơ sở hạ tầng du lịch, hoạt động lưu hành và đặc biệt là tài nguyên du lịch, yếu tố nền tảng cho phát triển du lịch.

** Tác động của biến đổi khí hậu đến các yếu tố tự nhiên (khí hậu, địa chất, địa hình, địa mạo, thủy văn...)*

Thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan gia tăng đã gây ảnh hưởng đến các hoạt động phát triển du

lịch, tác động xấu đến tài nguyên du lịch. Những khu vực được xác định chịu tác động lớn nhất của các hiện tượng khí hậu cực đoan là dải ven biển Trung Bộ, vùng núi Bắc và Bắc Trung Bộ, vùng đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể như sau:

- Hiện tượng nóng lên toàn cầu gây ra những biến đổi hoàn lưu khí quyển và đại dương, đặc biệt là hoàn lưu gió mùa và hoàn lưu nhiệt - muối dẫn đến những biến động về nhiệt độ, lượng mưa và các hiện tượng thời tiết. Các kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy, nhiệt độ không khí trung bình ở nước ta tăng khoảng 0,1°C/thập niên. Hiện tượng Elnino ngày càng có tác động mạnh đến chế độ thời tiết và khí hậu ở nhiều khu vực. Nhiệt độ gia tăng và nắng gắt, khô hạn đã gây ảnh hưởng tới mực nước của các con sông, lòng hồ, khe suối,... vốn được dùng để khai thác du lịch đường sông, hoặc những con suối đẹp không có nước chảy làm mất đi cảnh quan du lịch.

- Tăng lượng bốc hơi trên lục địa và đại dương dẫn đến tăng hàm lượng ẩm trong khí quyển và tăng hội tụ ẩm từ đại dương vào lục địa làm tăng khả năng mưa lớn trên lục địa. Mùa bão kéo dài và dịch lùi dần về các tháng cuối năm, quỹ đạo của các cơn bão cũng có xu hướng chuyển dần về các vĩ độ phía Nam. Các tỉnh và thành phố duyên hải miền trung chịu ảnh hưởng khoảng 70% tổng số các cơn bão đổ bộ vào nước ta, trong đó, 60÷65% số cơn bão có sức mạnh từ cấp 8 - cấp 12 kèm với triều cường nên hậu quả gây ra đối với môi trường và đời sống của nhân dân là rất nghiêm trọng. Mưa to với mật độ dày làm ngập lụt các đoạn đường đến các địa điểm du lịch, gây sạt lở, bào mòn hệ thống hang động, núi đá vôi,... làm mất đi cảnh quan sinh thái khu, điểm du lịch [3].

- Kết quả quan trắc trong vòng nửa thế kỷ tại ba trạm Hòn Dấu, Cô Tô và Hòn Ngư mực nước biển đã dâng lên trung bình từ 2,5 - 3 cm/thập niên. Nước biển dâng làm thay đổi địa hình và thềm biển, làm thu hẹp và thay đổi độ sâu của các bãi tắm[3].

- Dòng chảy lũ đã tăng lên ở hầu hết các vùng, nhất là Bắc và Trung Trung Bộ, trong khi đó dòng chảy kiệt giảm đi ở các vùng có lượng mưa mùa khô giảm, đặc biệt là Tây Nguyên, Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, những nơi có nhiều tài nguyên du lịch nhưng hằng năm vẫn chịu hạn hán nặng nề vào mùa khô. Như vậy, trên cả 2 sông lớn, tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) làm cho dòng chảy năm của sông Hồng và sông Cửu Long giảm đi. Điều đó có nghĩa là khả năng lũ trong mùa mưa và cạn kiệt trong mùa khô đều trở nên khắc nghiệt hơn.

Ở vùng ven biển, đã thấy rõ hiện tượng vùng ngập triều cửa sông mở rộng hình phễu (hiện tượng estuary) trên những diện rộng. Vào mùa khô, các nhánh sông và dòng sông ở các khu vực này đã không thể đóng vai trò tiêu thoát nước về phía biển, biến thành những dòng sông, kênh tù đọng với mức độ ô nhiễm rất lớn

Thành phố Hội An có bờ biển kéo dài khoảng 7 km, từ năm 2009 đến nay tình trạng mất đất do nước biển xâm thực đã xảy ra liên tục đặc biệt ở khu vực biển Cửa Đại,

nơi tập trung các khu nghỉ dưỡng cao cấp. Tuyến đường ven biển Âu Cơ ở khu vực biển Cửa Đại trước đây cách biển hơn 200 m nhưng đến năm 2014 nước biển đã xâm thực chỉ còn cách đường khoảng 40 m; sóng biển đã cuốn đi nhiều bãi tắm đẹp ở khu vực này [2].

Tại khu vực Nam Bộ, các chỉ số cực đoan liên quan đến lượng mưa cho thấy: Các hiện tượng cực đoan liên quan đến mưa lớn giảm đáng kể trên khu vực Nam Bộ, đặc biệt là ở Vũng Tàu, Côn Đảo và Rạch Giá, tuy nhiên, cực đoan liên quan đến mưa lớn lại xuất hiện nhiều hơn ở Cần Thơ. Đối với hai đảo có giá trị cao trong khai thác phát triển du lịch như Phú Quốc và Côn Đảo, lượng mưa giảm dẫn đến lượng nước ngọt giảm sẽ ảnh hưởng nhiều đến đời sống sinh hoạt và kinh doanh du lịch trên đảo [3].

**Tác động của biến đổi khí hậu đến các di sản thiên nhiên*

Biến đổi khí hậu đã góp phần làm cho Động Phong Nha trong Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình) bị ngập lụt vào mùa mưa thường niên. Nước lũ đã tác động làm giảm thiểu độ bền của hang, nước xoáy, va đập gây xói lở lòng hang động và đục khoét lòng sông dẫn vào hang.

Trong thời gian qua, kèm với lũ lụt và không khí nóng ẩm đã tạo điều kiện thuận lợi cho nấm mốc, mối mọt, cây cối mọc ký sinh trên các công trình, dẫn đến sự phá hủy di tích.

Việt Nam có bờ biển dài 3.260 km, hơn một triệu km² lãnh hải và trên 3.000 hòn đảo gần bờ và hai quần đảo xa bờ, nhiều vùng đất thấp ven biển, trong đó có trên 80% diện tích đồng bằng sông Cửu Long và trên 30% diện tích đồng bằng sông Hồng - Thái Bình có độ cao dưới 2,5 m so với mặt biển. Các bãi biển phân bố trải dài ven biển, đặc biệt là Vịnh Hạ Long và hệ thống gần 3.000 đảo ven bờ như các khu dự trữ sinh quyển ở Cần Giờ (thành phố Hồ Chí Minh), U Minh thượng (Kiên Giang), hệ sinh thái san hô, rừng ngập mặn, rừng nhiệt đới tại các Vườn quốc gia... thay đổi. Hằng năm, các di sản này vẫn đe dọa bị nhấn chìm khi mực nước biển dâng cao [3].

Cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang), hệ thống núi đá và hang động Karst... sẽ bị ảnh hưởng bởi các trận mưa kéo dài, mưa axit gây bào mòn, đứt gãy, sụt lún làm mất đi cảnh quan và kiến trúc tự nhiên của tài nguyên du lịch.

2.1.2. Tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên

Theo kịch bản biến đổi khí hậu năm 2012, dự tính khoảng 20÷30% các loài thực vật và động vật được đánh giá là ở trong tình trạng nguy cơ bị tiêu diệt tăng lên. Theo đó, tài nguyên du lịch tại các vườn Quốc gia, khu bảo tồn, khu Ramsar bị mất đi một phần hoặc phần lớn, do vậy giảm sức hấp dẫn đối với khách du lịch.

Theo các chuyên gia khí tượng thủy văn, trong 50 năm trở lại đây, tần suất xảy ra các đợt nắng nóng đã tăng từ 2-4 lần. Nhiều khả năng trong 40 năm tới, số lượng các đợt nắng nóng sẽ tăng 100 lần [1].

Nếu nhiệt độ trung bình toàn cầu tăng vượt quá 1,5 ÷ 2,5°C, kết hợp với hàm lượng khí CO₂ trong khí quyển tăng, sẽ dẫn đến những thay đổi cơ bản trong cấu trúc và chức năng của các hệ sinh thái, sự tương tác sinh thái của các loài và sự phân bố địa lý của chúng với những hậu quả tiêu cực là chính đối với tính đa dạng sinh học.

Nhiệt độ tăng lên ảnh hưởng đến các hệ sinh thái tự nhiên, làm dịch chuyển các ranh giới nhiệt của các hệ sinh thái lục địa và hệ sinh thái nước ngọt, làm thay đổi cơ cấu các loài thực vật và động vật ở một số vùng, một số loài có nguồn gốc ôn đới và á nhiệt đới bị mất đi dẫn đến suy giảm tính đa dạng sinh học.

Do nhiệt độ trên đại dương và trong khí quyển tăng đã đẩy tốc độ cơn bão đạt mức cao. Khi một số nơi trên thế giới đang phải hứng chịu cảnh ngập lụt do mực nước biển dâng và bão lũ, thì ở nhiều nơi khác lại đang bị hạn hán. Các chuyên gia ước tính tình trạng hạn hán sẽ tăng ít nhất 66% do khí hậu ngày càng ấm hơn. Hạn hán xảy ra thường xuyên sẽ thu hẹp nguồn cung cấp nước, làm giảm chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, khiến nguồn cung ứng lương thực bị giảm...

Nhiệt độ tăng cùng với khô hạn đã làm tăng các vụ cháy rừng vào mùa khô, làm mất đi những cánh rừng nguyên sinh, các khu bảo tồn có thể dùng để khai thác du lịch sinh thái, du lịch leo núi mạo hiểm.

Hệ sinh thái biển và ven biển bị thay đổi do mực nước biển dâng, nhiệt độ và độ mặn thay đổi cùng với những thay đổi về dòng chảy, sóng, biên độ thủy triều, xâm nhập mặn và xói lở bờ biển. Các rạn san hô rất dễ bị tổn thương do nhiệt độ nước biển tăng lên vì khả năng thích ứng kém. Nhiệt độ mặt nước biển tăng đã làm cho san hô bị biến màu thành trắng và chết hàng loạt như ở Phú Quốc (56,6%). Vùng đất ướt ven biển bao gồm cả đầm lầy và rừng ngập mặn sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực do mực nước biển dâng, nhất là ở những nơi chúng bị áp lực từ phía bờ hoặc bị chết đói do bồi lắng [3].

Một số vùng cửa sông nền địa chất yếu, xuất hiện nhiều vùng xoáy nguy hiểm, tình trạng xói lở bờ sông có chiều hướng gia tăng, không theo quy luật. Một số vùng bãi triều xuất hiện rất rõ tình trạng nước biển dâng cao, thủy triều lên xuống bất thường... Các điều kiện tự nhiên thay đổi cũng khiến thói quen sống và sinh sản của thủy, hải sản có những biến động. Nhiều loài sinh vật biển cũng bị suy giảm nghiêm trọng và giảm dần về chất lượng cũng như trữ lượng.

Nước biển dâng đã làm mất đi một vùng đất thấp rộng lớn/các hệ sinh thái đất ngập nước của các đồng bằng lớn nhất cả nước, các sinh cảnh tự nhiên của nhiều loài bản địa bao gồm cả - các khu bảo tồn thiên nhiên, sinh quyển.

Hiện tượng sạt lở bờ biển trên nhiều đoạn kéo dài với tốc độ phá hủy bờ sâu vào đất liền hàng chục, thậm chí hàng trăm mét, xảy ra thường xuyên trong nhiều năm gần đây, liên quan đến sự tàn phá do gia tăng bão, sóng lớn và sự thay đổi của động lực biển ở đới bờ. Hiện tượng này đã hình thành các cồn cát chắn và tái

trầm tích bồi lấp luồng vào các cửa sông, gây trở ngại lớn cho hoạt động vận tải ra vào các cảng biển, khiến cho những công trình nạo vét rất tốn kém đều nhanh chóng bị vô hiệu hóa.

Việt Nam có đa dạng sinh học cao, nhưng đang bị suy thoái nghiêm trọng do nhiều nguyên nhân khác nhau. Biến đổi khí hậu, cùng với các hệ quả của nó như lũ lụt, hạn hán, cháy rừng, xói mòn và sụt lún đất sẽ thúc đẩy cho sự suy thoái đa dạng sinh học nhanh hơn, trầm

trong hơn, nhất là những hệ sinh thái rừng nhiệt đới không còn nguyên vẹn và các loài đang nguy cấp với số lượng cá thể ít. Khi mức nước biển dâng lên cao, khoảng một nửa trong số 68 khu đất ngập nước có tầm quan trọng mức quốc gia, sẽ bị ảnh hưởng nặng; nước mặn sẽ xâm nhập sâu và nội địa, giết chết nhiều loài động và thực vật nước ngọt của hệ sinh thái quan trọng này và ảnh hưởng đến nguồn nước ngọt cho sinh hoạt nói chung và kinh doanh du lịch nói riêng.

Bảng 1. Khái quát các tác động của Biến đổi khí hậu đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học (ĐDSH)

TT	Hệ sinh thái	Tác động đến hệ sinh thái	Tác động đến loài
1	Hệ sinh thái biển và ven biển		
	<i>HST biển vùng nông và gần bờ</i>	- Điều kiện sinh thái thay đổi; - Phân bố và cấu trúc quần xã thay đổi.	- Cấu trúc, thành phần và trữ lượng của hải sản/cá thay đổi/giảm. - Sinh vật thức ăn tầng trên và giữa giảm. - Cá nhiệt đới tăng, cá ôn đới (giá trị cao) giảm, di cư bị động.
	<i>HST rừng ngập mặn</i>	Mất hoặc thu hẹp diện tích.	Mất nơi sống của các loài, mất loài.
	<i>HST ven biển</i>	Vùng dân cư bị thu hẹp, mất đất ở và canh tác.	Mất nơi sống của các loài, mất loài.
2	Hệ sinh thái rừng		
		- Ranh giới các kiểu thảm thực vật thay đổi. - Chỉ số tăng trưởng sinh khối giảm. - Nguy cơ cháy rừng tăng. - Dịch và sâu bệnh thay đổi và tăng, khó phòng chống.	- Cấu trúc thành phần loài thay đổi. - Nguy cơ diệt chủng loài gia tăng.
3	Hệ sinh thái Nông nghiệp		
		- Diện tích mặn hóa tăng (ven biển). - Cấu trúc quần xã cây trồng thay đổi.	- Sinh vật nước ngọt thu hẹp. - Cây trồng nhiệt đới mở rộng (lên cao và phía Bắc). - Cây trồng ôn đới thu hẹp.

Nguồn [5]

2.1.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến các hoạt động du lịch sinh thái

Tác động trực tiếp bao gồm các ảnh hưởng về doanh thu, chi phí hoạt động (sưởi ấm, làm mát hàng ngày, phí bảo hiểm), thiệt hại về cơ sở hạ tầng.

Khí hậu là tiền đề quyết định cho các hoạt động du lịch, xác định sự phù hợp của địa điểm và thời gian, chất lượng sản phẩm. Sức mua của du khách trong mùa du lịch cũng phụ thuộc vào khí hậu và tác động đáng kể đối với các mối quan hệ cạnh tranh giữa các địa điểm và lợi nhuận của các doanh nghiệp du lịch. Ngoài ra, BĐKH gây ra một số hiện tượng thời tiết cực đoan bao gồm: nhiệt độ cao hơn vào ban ngày ở gần như tất cả các vùng, cường độ cơn bão nhiệt đới và gió lớn, lượng mưa cao và hạn hán kéo dài... Từ đó, ngành công nghiệp du lịch sẽ tăng thiệt hại về cơ sở hạ tầng, các yêu cầu khẩn cấp, chi phí điều hành cao hơn (ví dụ như bảo hiểm, nước dự phòng, công tác sơ tán...) và gián đoạn công việc kinh doanh [4].

Tại Việt Nam, bão lũ, ngập úng kéo dài sẽ gây hư hại nhiều di tích lịch sử văn hóa, tài nguyên du lịch. Các

công trình dịch vụ du lịch bị hư hỏng hoặc xuống cấp dưới tác động của bão lũ cường độ mạnh gây xói mòn. Mưa nhiều kèm theo gió, bão hoặc nắng gắt nhiệt độ tăng cao cũng làm cho vật liệu kiến trúc nhanh xuống cấp, hư hỏng, gây lãng phí tiền của, công sức của nhà nước và người dân. Việc gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão lũ, mưa quá nhiều, nắng quá nóng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động vận chuyển hành khách (đường hàng không, đường bộ, đường thủy), từ đó ảnh hưởng đến nhu cầu hoạt động tại các địa điểm du lịch ngoài trời (rừng ngập mặn ở Cần Giờ, khu du lịch sinh thái ở Củ Chi...).

Ngoài ra, ảnh hưởng của BĐKH gây tác động gián tiếp lên hoạt động du lịch qua các lĩnh vực khác liên quan như giao thông, năng lượng, quản lý nước, sử dụng đất (cho dịch vụ du lịch), an ninh quốc phòng...

Do điều kiện môi trường là yếu tố quan trọng đối với ngành du lịch, BĐKH trong phạm vi rộng sẽ gián tiếp gây ra các tác động tiêu cực và sâu sắc đến du lịch ở những mức độ khác nhau như chất lượng nguồn nước giảm, mất đa dạng sinh học, giảm thẩm mỹ cảnh quan, thay đổi trong sản xuất nông nghiệp, tăng thiên tai, xói

mòn bờ biển và ngập lụt, thiệt hại cho cơ sở hạ tầng và dịch bệnh. Núi, hải đảo, vùng ven biển là các điểm đến đặc biệt nhạy cảm, dễ bị tổn thương với BĐKH. Ngoài ra, tình trạng thiếu nước ngọt do xâm nhập mặn bởi BĐKH cũng dẫn đến việc hạn chế về điều kiện để phục vụ khách hàng, làm giảm độ hấp dẫn của điểm du lịch, giảm lượng khách và khả năng tiêu dùng.

Như vậy, BĐKH ảnh hưởng đến doanh thu của các dịch vụ phục vụ cho ngành du lịch, từ đó ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

BĐKH được cho là gây nguy hiểm cho sự tăng trưởng kinh tế trong tương lai và sự ổn định chính trị của một số quốc gia. BĐKH gây thiệt hại về doanh thu, do đó giảm khả năng phát triển kinh tế và có thể dẫn đến bất ổn về chính trị và an ninh quốc gia. Trong khi đó, sự an toàn của du khách có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng do các hiện tượng thời tiết cực đoan, gián tiếp ảnh hưởng an toàn giao thông, sức khỏe (do dịch bệnh)...

Tất cả các doanh nghiệp du lịch và các điểm du lịch sẽ cần phải thích ứng với BĐKH nhằm giảm thiểu rủi ro liên quan và tận dụng cơ hội mới, trong một nền kinh tế, xã hội và môi trường bền vững

2.2. Phát triển du lịch sinh thái giảm (ứng phó) với biến đổi khí hậu

Theo thống kê sơ bộ từ UNEP (Chương trình Môi trường Liên hiệp quốc) và UNWTO (Tổ chức Du lịch thế giới), năm 2017, ngành du lịch thế giới nói chung đã phát thải khoảng 5% lượng khí thải CO₂ toàn cầu và đóng góp 4,6% trong sự nóng lên toàn cầu trong điều kiện cưỡng bức bức xạ (radiative forcing). Việc kiểm kê chính xác lượng phát thải trong ngành du lịch còn nhiều khó khăn vì du lịch là lĩnh vực mang tính chất rộng lớn với sự tham gia của nhiều lĩnh vực khác bao gồm: giao thông, năng lượng, chất thải rắn, tài nguyên nước, nông - lâm nghiệp, xây dựng. Các thành phần trên đóng góp các mức độ khác nhau trong vấn đề phát thải khí CO₂ do lượng phát thải và tiêu thụ năng lượng tùy thuộc vị trí và quy mô của các loại hình dịch vụ. Cụ thể:

- Giao thông vận tải phát thải qua việc sử dụng năng lượng cho việc di chuyển giữa các khu vực trong chuyến du lịch tham quan danh lam thắng cảnh (bằng xe hơi, tàu hỏa, tàu thủy, phà, máy bay...). Các lĩnh vực vận tải, bao gồm hàng không, đường bộ, đường thủy và đường sắt, đóng góp tỷ lệ lớn nhất với 75% lượng khí thải. Trong đó, đường sắt chiếm 13%, đường hàng không gây ra 54%÷75% lượng phát thải và là thành phần chính gây phát thải trong lĩnh vực du lịch cho sự nóng lên toàn cầu, chịu trách nhiệm 40% lượng khí CO₂ tổng thể.

- Nơi lưu trú như khách sạn, nhà hàng, các khu trung tâm giải trí liên quan đến việc sử dụng năng lượng để vận hành các thiết bị phục vụ các khu vực ăn nghỉ, hoạt động các nhà hàng, quán bar, sân nhảy, rạp chiếu phim... gây khoảng 20% lượng khí thải.

- Các hoạt động du lịch khác như các bảo tàng, khu vui chơi giải trí, công viên, sự kiện hoặc mua sắm cũng gây nên khoảng 3,5% lượng khí thải từ du lịch.

Có thể thấy rằng, các chuyến du lịch đến các khu tự nhiên của Việt Nam hiện nay còn mang tính đại chúng, chưa đích thực là du lịch sinh thái. Du lịch với số đông thường gây nên những tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên và văn hoá, đặc biệt là những khu vực nhạy cảm. Trong khi đó công tác quy hoạch - phân vùng phát triển du lịch sinh thái còn nhiều bất cập do du lịch Việt Nam chưa có chiến lược cụ thể phát triển du lịch sinh thái - một trong 4 dòng sản phẩm chính của du lịch Việt Nam. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản hạn chế phát triển du lịch sinh thái hiện nay.

Quy mô và hình thức tổ chức hoạt động sinh thái còn nhỏ lẻ, mờ nhạt. Đầu tư phát triển du lịch sinh thái chưa cao, chủ yếu vẫn là các dự án hỗ trợ của các tổ chức quốc tế mang tính chất bảo tồn và nâng cao năng lực cộng đồng tham gia vào du lịch sinh thái tại một số vườn quốc gia và khu bảo tồn.

Chưa có các nghiên cứu thị trường bài bản nên việc xác định thị trường mục tiêu, các phân đoạn thị trường khách du lịch sinh thái chưa rõ ràng cùng với đó là xúc tiến, quảng bá du lịch sinh thái còn yếu dẫn đến việc chưa thu hút, hấp dẫn khách đến với dòng sản phẩm du lịch sinh thái.

Mặt khác, một phần do hạn chế của công tác quản lý, một phần do ý thức du khách và người dân chưa cao nên những hiện tượng tiêu cực vẫn xảy ra tại các khu bảo tồn thiên nhiên như: Chặt phá rừng bừa bãi, săn bắn động vật trái phép, xả rác không đúng nơi quy định, khắc sẹo thân cây...

Thiếu sự đầu tư về kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật đặc thù cho phát triển du lịch sinh thái hoặc lại xây dựng bừa bãi, không tuân thủ các nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái, gây phá vỡ cảnh quan môi trường. Những trung tâm giáo dục và diễn giải môi trường cho cả khách du lịch và dân cư địa phương tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn còn rất hạn chế.

Điều bất cập hơn nữa là vai trò của cộng đồng địa phương chưa được coi trọng, lợi ích từ du lịch hầu như chưa đến được với họ.

Là một loại hình du lịch có trách nhiệm, bên cạnh những tác động tiêu cực, du lịch sinh thái còn mang lại nhiều lợi ích kinh tế to lớn khác như đóng góp vào mục tiêu bảo tồn môi trường tự nhiên, các giá trị văn hóa bản địa, phát triển cộng đồng địa phương. Phần lớn các nước trong khu vực trong đó có Việt Nam đã thiết lập và duy trì hệ thống các vườn quốc gia, các khu bảo tồn đa dạng sinh học để phát huy khả năng khai thác phát triển du lịch sinh thái, mang lại những lợi ích về kinh tế, bảo tồn và giáo dục.

Mặc dù phát triển du lịch sinh thái là một định hướng chiến lược trong phát triển du lịch của Việt Nam khi bước vào thế kỷ XXI, song cho đến nay việc phát triển loại hình du lịch này còn nhiều hạn chế, bất cập. Nhiều hãng lữ hành, nhiều địa phương đã có những nỗ lực trong xây dựng kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, xây dựng tour du lịch, khu du lịch sinh thái, các mô hình phát triển du lịch sinh thái với sự tham gia của cộng

đồng... tuy nhiên các hoạt động này vẫn còn ở hình thức và quy mô nhỏ, đơn giản..

3. GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI NHẪM HẠN CHẾ VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

3.1. Giải pháp về cơ chế chính sách

Để phát triển du lịch theo hướng thân thiện với môi trường thì việc tạo cơ chế, chính sách phát triển du lịch sinh thái bền vững là rất quan trọng. Điều này tạo ra một hành lang pháp lý cho hoạt động du lịch sinh thái nhằm làm cơ sở cho việc giám sát chặt chẽ hoạt động du lịch và quản lý nguồn tài nguyên.

Cần đổi mới cơ chế, chính sách, tạo điều kiện phát triển du lịch sinh thái rộng rãi trên nhiều vùng miền của đất nước. Cần có những quy hoạch hợp lý, chính sách và dự án tối ưu trong phát triển du lịch nhằm giảm thiểu các tác động đến môi trường, trong đó gồm cả môi trường du lịch tự nhiên, môi trường du lịch nhân văn, môi trường du lịch kinh tế - xã hội.

3.2. Giải pháp về thị trường

Cần đầu tư thoả đáng vào việc quảng bá DLST, góp phần tạo thị trường cho loại hình du lịch này

- Cần đầu tư cho những nghiên cứu về đề tài DLST nhằm qua đó nắm bắt được yếu tố “cầu” của du khách, từ đó sẽ giải quyết được nhiều vấn đề liên quan đến du lịch, lập được các kế hoạch phát triển một cách bền vững, mang lại hiệu quả cao cho sự phát triển kinh tế xã hội.

- Nhà nước tạo điều kiện cho các công ty du lịch đi tham quan nước ngoài và quan hệ hợp tác với các công ty du lịch quốc tế để giới thiệu DLST Việt Nam đến các nước trên thế giới nhằm thu hút du khách nước ngoài ngày càng đông hơn.

3.3. Giải pháp về quy hoạch

Xây dựng quy hoạch là để phát triển một chương trình hành động của loại hình du lịch sinh thái thông qua việc cấp kinh phí và đề ra các vấn đề cần được ưu tiên.

- Quy hoạch DLST do Nhà nước hoặc Tổng cục Du lịch Việt Nam thực hiện, bao gồm việc khoanh vùng sử dụng đất thích hợp, việc chỉ định các vùng dành cho DLST đồng thời soạn thảo một qui tắc về đạo đức DLST. Các vùng được chỉ định dành cho phát triển DLST đòi hỏi phải có kế hoạch quản lí và có sự tham gia của cộng đồng trong việc phát triển các kế hoạch là quan trọng.

- Cần đưa ra những quy hoạch chi tiết, cụ thể để phát triển DLST ở các KBTTN, các khu di sản văn hóa thế giới... làm cơ sở cho các dự án đầu tư, thu hút đầu tư DLST từ nước ngoài. Đảm bảo cho sự phát triển bền vững cho các khu DLST đó.

- Nhà nước và Tổng cục Du lịch cần có sự tham gia vào các khu DLST để xây dựng và thực thi các nguyên tắc chỉ đạo nhằm đảm bảo tính bền vững.

3.4. Giải pháp về đào tạo

Hiện nay, tại các khu du lịch sinh thái ở Việt Nam đội ngũ lao động chuyên nghiệp có năng lực chưa nhiều. Những người lao động thời vụ tại các khu du lịch này có ưu thế là người địa phương, nhưng hoàn toàn thiếu kiến thức về nghiệp vụ du lịch. Do đó, ngành du lịch đặc biệt là du lịch sinh thái cần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch sinh thái đáp ứng tiêu chí vừa đảm bảo đủ số lượng, vừa có chất lượng chuyên môn cao.

Việc đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch nói chung và cho phát triển du lịch sinh thái nói riêng cần hướng cụ thể vào những nội dung sau:

Một là, cần tổ chức thường xuyên các lớp bồi dưỡng kiến thức về quản lý và văn hóa giao tiếp kinh doanh du lịch cho tất cả đội ngũ lao động đang làm việc tại các khu du lịch, các cơ sở dịch vụ du lịch. Điều này đặc biệt cần thiết với những người làm nhiệm vụ quản lý từ bộ phận lên tới chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, giám đốc kinh doanh...

Hai là, cần thực hiện đào tạo tại chỗ và đào tạo lại về nghiệp vụ và kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ cho đội ngũ lao động trong các cơ sở kinh doanh du lịch. Các lớp này cần được tổ chức linh hoạt để không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ. Nội dung bồi dưỡng phải thiết thực và cập nhật cả kỹ năng nghiệp vụ, trang thiết bị phù hợp với từng vùng. Riêng đào tạo ngoại ngữ, các cơ sở kinh doanh du lịch phải hướng tới việc đào tạo và sử dụng nhân lực lâu dài để có kế hoạch đầu tư và cho cá nhân tự đầu tư thời gian học ngoại ngữ, không thể chỉ quan niệm chưa có khách quốc tế mà coi thường vốn ngoại ngữ.

Ba là, bên cạnh việc đào tạo nghiệp vụ ngoại ngữ, cần chú ý đến cung cấp kiến thức về môi trường sinh thái như: cảnh quan tự nhiên, các giá trị du lịch sinh thái, hiểm họa môi trường sinh thái với phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch, xã hội hóa du lịch... Các kiến thức về nhu cầu, sở thích, thói quen, tập quán giao tiếp ứng xử của khách du lịch cuối tuần (cả khách quốc tế và khách nội địa) khi chọn các điểm du lịch sinh thái làm nơi đến cũng cần được trang bị cho người làm dịch vụ, kinh doanh du lịch nơi đây. Từ đó, các khu du lịch, các cơ sở du lịch sinh thái sẽ được khuyến khích khả năng sáng tạo, cho ra đời những dịch vụ du lịch phù hợp nhất với khách du lịch sinh thái - cuối tuần, đồng thời khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch của địa phương.

Bốn là, cần tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho những lao động thời vụ vốn là dân cư địa phương. Vì đây là lực lượng không thuần nhất, không có kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn. Họ được tham gia vào phục vụ trong một số công việc lao động đơn giản phụ trợ cho các hoạt động tham quan, tâm linh, nghỉ dưỡng. Tất cả họ cần phải được trang bị kiến thức cơ bản về giao tiếp ứng xử, kỹ năng bán hàng, vệ sinh môi trường, tiếp thị du lịch...

Có như vậy, du lịch sinh thái mới phát triển bền vững góp phần phát triển kinh tế - xã hội các địa phương.

3.5. Giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng

Các con đường vào các khu DLST rất khó đi lại, hẻo lánh. Do vậy, cần đầu tư nâng cấp đường sá khang trang, sạch sẽ, các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng đầy đủ, trang bị tiện nghi, hiện đại để thu hút du khách trong và ngoài nước.

- Nhà nước nên ưu tiên đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục còn lại ở các khu bảo tồn thiên nhiên đã kí quyết định, ví dụ như vườn quốc gia Bạch Mã, Phú Quốc...

- Xây dựng và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng và cần có những cơ sở vật chất, trang thiết bị tiện nghi, phục vụ khách tham quan du lịch, tạo hấp dẫn, thu hút khách đặc biệt bằng những đặc thù của địa phương.

3.6. Giải pháp về xã hội

- Cần giáo dục về môi trường cho người dân để nâng cao nhận thức của họ về tầm quan trọng của sinh thái và môi trường. Cần cho họ hiểu rằng mất đi tài nguyên rừng là một thiệt thòi không thể tính bằng tiền và nó còn gây ra nhiều ảnh hưởng không tốt cho môi trường sống của chính chúng ta, bởi vai trò của rừng là rất lớn. Từ đó họ sẽ có ý thức hơn trong việc tự giác bảo vệ tài nguyên rừng. Giáo dục họ rằng khi tham quan các khu DLST họ không tránh gây ra những điều đáng tiếc.

- Cần có bảng hướng dẫn và nội qui về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cho du khách tại các khu DLST.

- Khuyến khích mọi người, nhất là nhân dân địa phương tham gia vào công tác quản lí các khu DLST.

- Thực hiện nghiêm túc các quyết định, luật lệ về chặt cây, phá rừng, săn thú quý hiếm mỗi khi có vi phạm.

4. KẾT LUẬN

Những ảnh hưởng của BĐKH đối với ngành du lịch, nhất là du lịch sinh thái đang báo hiệu một thách thức

lớn cho Việt Nam. Để hạn chế và ứng phó với BĐKH, cần phát triển du lịch theo hướng bền vững bằng việc triển khai những loại hình du lịch thân thiện với môi trường đặc biệt là du lịch sinh thái. Bên cạnh đó muốn đẩy mạnh phát triển DLST ở Việt Nam nhằm hạn chế và ứng phó với BĐKH cần có những giải pháp phù hợp, đồng bộ về chính sách, quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực, thay thế, đầu tư các trang thiết bị thích hợp (ví dụ như lắp đặt các hệ thống điều hòa nóng - lạnh khi nhiệt độ thay đổi...) hoặc đa dạng hóa các hoạt động du lịch để tạo tính linh hoạt khi xảy ra hiện tượng thay đổi khí hậu đột ngột.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2013), *Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
- [2]. Đặng Thanh Bình, Phan Thị Hoàn (2013), *Biến đổi khí hậu và thiên tai ở Miền Trung*.
- [3]. Nguyễn Thùy Vân (2019), Viện nghiên cứu phát triển du lịch, *Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên du lịch trong giai đoạn vừa qua*.
- [4]. Viện Khoa học Khí tượng, Thủy văn và Môi trường (2010), *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam*.
- [5]. Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (2019), *Các giải pháp thích ứng và ứng phó, góp phần giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động du lịch ở Việt Nam*, đề tài NCKH cấp Bộ.

AUTHORS INFORMATION

Nguyen Thi Thao*, Tran Thi Mai Huong,
Tang Thi Hong Minh

*Corresponding Author:

Sao Do University.

THẺ LỆ GỬI BÀI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về tòa soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
 - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
 - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
 - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper
Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 3 (82)
2023



Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/> Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.